

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG NGHỆ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/QĐ-HĐQT

Nghệ An, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin
của Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH**

*Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/06/2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh;
Căn cứ Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh;
Căn cứ Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến Hội đồng quản trị Công ty cổ phần
Cảng Nghệ Tĩnh số 37/BBYK-HĐQT ngày 30/12/2025 đối với Tờ trình số 604/TTr-
CNT ngày 24/12/2025 của Tổng giám đốc về việc thông qua sửa đổi, ban hành Quy
chế công bố thông tin Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “**Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh**”, gồm 12 điều và 02 phụ lục.

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026. Các Quy chế, quy định có liên quan nội dung trong Quy chế này sẽ được thay thế và vô hiệu kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực.

Điều 3. Các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban, đơn vị và các đơn vị, cá nhân có liên quan trong toàn Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát cty;
- Lưu: VT, NPTQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Doãn Long

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	3
1. Phạm vi điều chỉnh	3
2. Đối tượng áp dụng:.....	3
Điều 2. Các chữ viết tắt.....	3
Điều 3: Giải thích từ ngữ	4
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin	5
Điều 5. Phương tiện công bố thông tin.....	6
Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin.....	7
CHƯƠNG II: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	8
Điều 7. Lưu đồ thực hiện	8
Điều 8. Các nội dung công bố thông tin	10
CHƯƠNG III: TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....	11
Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người thực hiện CBTT và các phòng ban liên quan.....	11
Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin.....	11
Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm	12
Điều 12. Triển khai thực hiện	12
PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG/ĐƠN VỊ LIÊN QUAN....	13
PHỤ LỤC 1.1. PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN.....	13
PHỤ LỤC 1.2 PHÒNG KẾ HOẠCH KINH DOANH	22
PHỤ LỤC 1.3. PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ LAO ĐỘNG	25
PHỤ LỤC 1.4. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	28
PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC.....	34

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này hướng dẫn về nguyên tắc, nội dung, quy trình, trách nhiệm và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (sau đây gọi là "Công ty") trên thị trường chứng khoán trên cơ sở tuân thủ quy định về công bố thông tin tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn chuyên ngành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

- a. Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh/ Người thực hiện công bố thông tin
- b. Các phòng ban, đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có liên quan đến việc tạo lập, cung cấp và công bố thông tin, bao gồm:
 - Phòng Hành chính tổng hợp.
 - Phòng Kế hoạch kinh doanh.
 - Phòng Tổ chức cán bộ lao động.
 - Phòng Tài chính kế toán.
 - Phòng Kỹ thuật vật tư.
 - Thư ký Công ty.
 - Người phụ trách quản trị Công ty.
- c. Người nội bộ công ty và người có liên quan của người nội bộ.
- d. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- e. Các tổ chức, cá nhân có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Các chữ viết tắt

- | | |
|-----------|---|
| - Công ty | : Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh |
| - UBCKNN | : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. |
| - VSDC | : Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. |
| - TTCKVN | : Thị trường Chứng khoán Việt Nam |
| - CBTT | : Công bố thông tin. |
| - HĐQT | : Hội đồng quản trị công ty |
| - BKS | : Ban kiểm soát công ty |
| - BCTC | : Báo cáo tài chính |
| - Sở GDCK | : Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty niêm yết. |

- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
- NNB : Người nội bộ
- NCLQ : Người có liên quan

Điều 3: Giải thích từ ngữ

1. Người nội bộ của Công ty là:

- Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc do HĐQT bổ nhiệm;
- Trưởng ban kiểm soát và thành viên BKS.
- Thành viên Ban kiểm toán nội bộ.
- Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin.

2. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 5 Quy chế này.

3. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi Fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN hoặc ngày UBCKNN nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
- Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

5. Bản scan văn bản dùng CBTT phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

6. Dữ liệu điện tử dùng CBTT là dữ liệu có định dạng word/exel/pdf (word/exel sử dụng bảng mã Unicode).

7. Người thực hiện công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

8. Người có liên quan của Người nội bộ là các cá nhân, tổ chức có mối quan hệ với Người nội bộ trong các trường hợp sau:

- a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
- b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó.

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

9. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

10. Ma trận RACI là một kỹ thuật nhằm làm rõ các công việc, trách nhiệm, quyền hạn của các cá nhân hoặc đơn vị, viết tắt của các chữ:

+ R = Responsible: Đơn vị/Cá nhân chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công việc.

+ A = Accountable: Đơn vị/Cá nhân trực tiếp thực hiện thẩm quyền quyết định/phê duyệt.

+ C = Consulted: Đơn vị/Cá nhân được lấy ý kiến tham mưu.

+ I = Informed: Đơn vị/Cá nhân được cung cấp thông tin khi có quyết định/phê duyệt.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

3. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

4. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.

5. Khi công bố thông tin, Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

6. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử; số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

7. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 6 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN thực hiện công khai thông tin.

8. Ngôn ngữ thông tin Công ty công bố là Tiếng Việt và Tiếng Anh. Thông tin công bố bằng Tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng Tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh thì thông tin bằng Tiếng Việt được áp dụng.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

TT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử (Website) của công ty (*)
2	Ủy ban chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
3	Hệ thống công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty đăng ký niêm yết chứng khoán	Hệ thống công bố thông tin của HNX
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật hiện hành	Báo in, Báo điện tử...

(*) Lưu ý:

– Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ

nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

– Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

– Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác theo quy định.

– Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

– Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký Công ty phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

– Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ dưới dạng điện tử cập nhật trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu 05 năm.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn....). Công ty báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

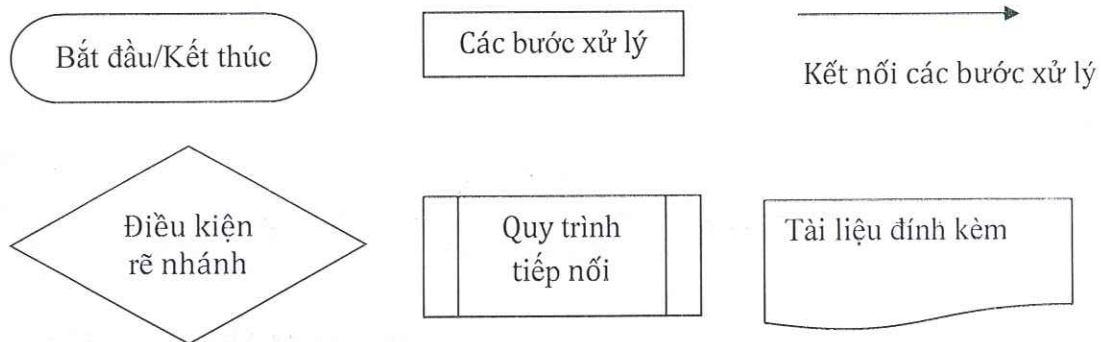
2. Ngay sau khi khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN

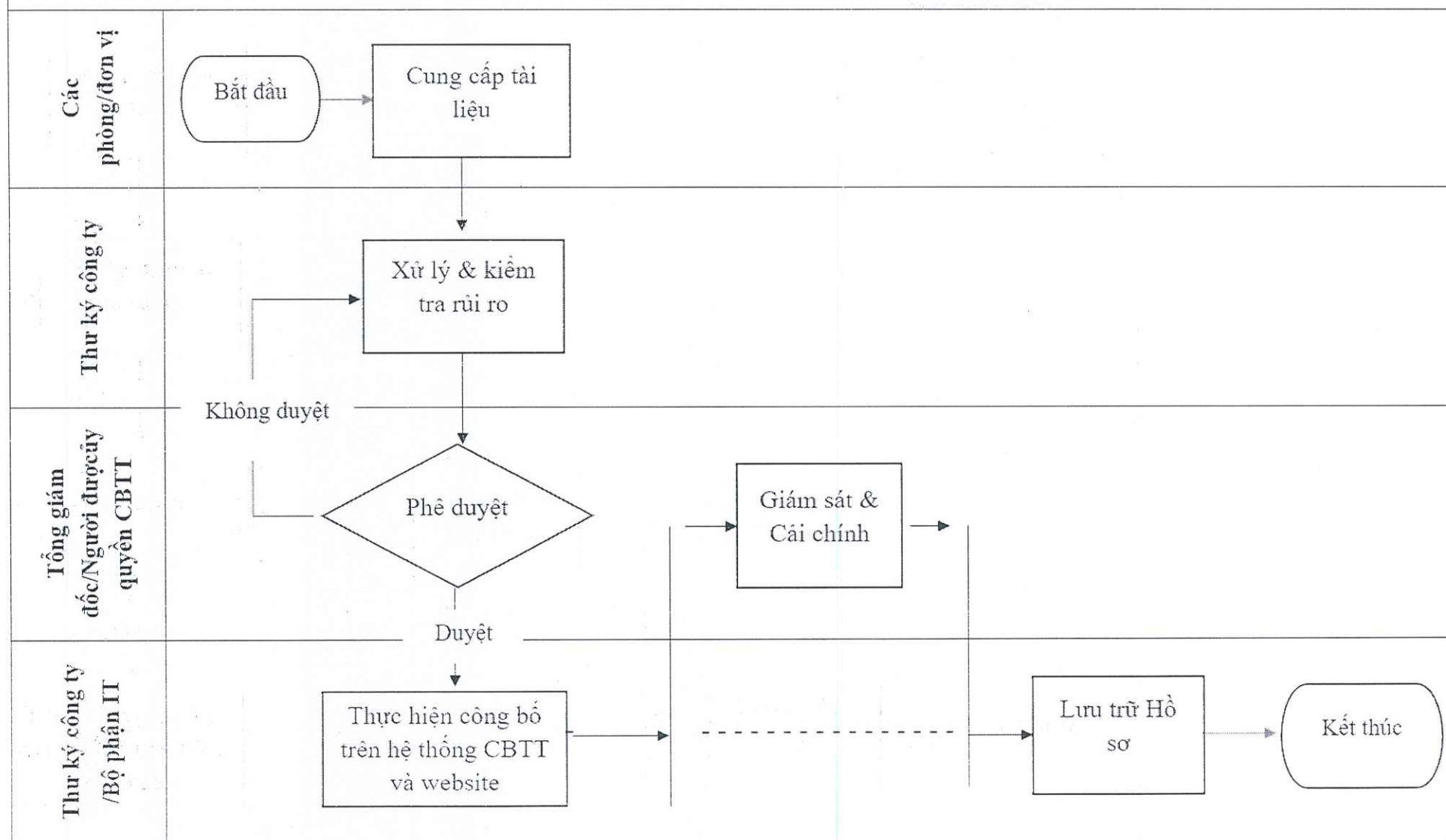
Điều 7. Lưu đồ thực hiện

1. Giải thích lưu đồ



2. Lưu đồ thực hiện Công bố thông tin

QUY TRÌNH THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



3. Diễn giải

Bước 1: Cung cấp tài liệu

- Khi phát sinh nội dung cần công bố thông tin, các bộ phận liên quan có trách nhiệm phối hợp cung cấp tài liệu cho Thư ký Công ty.

- Các bộ phận cung cấp thông tin phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ và kịp thời của nội dung thông tin công bố.

Bước 2: Xử lý và kiểm tra rủi ro

Thư ký Công ty tiếp nhận nội dung cần công bố thông tin, đối chiếu với các quy định pháp luật hiện hành và Quy chế này, hoàn thiện nội dung cần công bố theo mẫu quy định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bước 3: Phê duyệt

Thư ký Công ty trình Tổng giám đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT xem xét, ký duyệt Thông báo công bố thông tin theo mẫu do pháp luật hiện hành quy định.

Bước 4: Công bố thông tin

- Quy trình đăng tải thông tin trên website Công ty thực hiện theo quy định nội bộ về quản trị, vận hành trang thông tin điện tử của Công ty.

- Thư ký Công ty thực hiện công bố thông tin trên các hệ thống công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành và đảm bảo đúng thời hạn, đúng nội dung đã được phê duyệt.

Bước 5: Giám sát và cải chính

- Sau khi thông tin được công bố, Tổng Giám đốc hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện giám sát việc công bố, bao gồm việc kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố và việc tiếp nhận, phản hồi thông tin trên các hệ thống công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp phát hiện sai sót, nhầm lẫn hoặc có yêu cầu cải chính từ cơ quan quản lý có thẩm quyền, Thư ký Công ty phối hợp với các phòng/đơn vị liên quan thực hiện việc cải chính, bổ sung thông tin theo đúng quy định.

Bước 6: Lưu trữ

Thư ký lưu trữ bằng văn bản tối thiểu trong thời hạn 10 năm và dữ liệu điện tử trong thời hạn 05 năm để thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu lại khi cần thiết.

Điều 8. Các nội dung công bố thông tin

1. Các phòng, cá nhân liên quan theo quy định tại điểm a và b, Khoản 2, Điều 1 Quy chế này thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy chế này.

2. Các đối tượng khác thực hiện Công bố thông tin theo quy định tại Phụ lục 2 Quy chế này.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người thực hiện CBTT và các phòng ban liên quan

1. Người thực hiện công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

2. Người thực hiện công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người thực hiện công bố thông tin.

3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người thực hiện công bố thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin. Sự kiện công bố thông tin phát sinh từ Phòng, Đơn vị nào thì Lãnh đạo Phòng, Đơn vị đó có trách nhiệm tổng hợp, soạn thảo nội dung thông tin cần công bố để tham mưu Người thực hiện công bố thông tin triển khai công bố thông tin.

4. Sau khi nội dung công bố thông tin được Người thực hiện công bố thông tin xem xét trình lãnh đạo phê duyệt, các Phòng, Đơn vị tham mưu việc công bố thông tin có trách nhiệm phối hợp để đăng tải lên Website công ty và Hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp (CIMS) theo quy định.

5. Người thực hiện công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số

156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

3. Tổng Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế công bố thông tin này.

4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người thực hiện công bố thông tin: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng ban Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

Điều 12. Triển khai thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

3. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua.

4. Quy chế này có hiệu lực kể từ thời điểm ký Quyết định ban hành. Quy chế này thay thế cho Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh ban hành kèm theo quyết định số 331/QĐ-HĐQT ngày 21/9/2021 của HĐQT Cảng Nghệ Tĩnh.

PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG/ĐƠN VỊ LIÊN QUAN
PHỤ LỤC 1.1. PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

TT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT
A	CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ		
I	BÁO CÁO TÀI CHÍNH		
1	Báo cáo tài chính quý <i>Là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”; phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; công bố toàn văn 02 báo cáo: báo cáo tài chính của riêng Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.</i>	Trong thời hạn 18 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý
2	Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) <i>Phải được công bố toàn văn, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.</i>	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 43 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý
3	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét <i>Là Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty; phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; công bố toàn văn</i>	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 43 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

	02 báo cáo: báo cáo tài chính của riêng Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm thêm kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.		
4	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng Công ty và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Phải công bố thông tin về BCTC năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về BCTC đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC.	Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 87 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
5	Lưu ý khi công bố thông tin BCTC phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau: - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;	Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 87 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

	- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.		
II	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN		
1	Báo cáo thường niên <i>Các thông tin Đơn vị cung cấp: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (phân tích, so sánh); các khoản đầu tư được thực hiện trong năm (đầu tư tài chính và đầu tư dự án); tóm tắt hoạt động về tình hình tài chính các công ty con, công ty liên kết; tình hình tài chính của Công ty; thay đổi vốn của chủ sở hữu; các hoạt động hỗ trợ tài chính phục vụ phát triển cộng đồng; chi phí tiêu thụ năng lượng, nước; các kế hoạch trong lĩnh vực tài chính, kế toán; giao dịch cổ phiếu của người nội bộ; hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (do Phòng TCKT tham mưu hoặc phối hợp tham mưu việc ký kết); thông tin về báo cáo tài chính; và các thông tin khác có liên quan.</i>	Chậm nhất 18 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 108 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính
III	BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY		
1	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Chậm nhất 25 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch

	Thông tin các giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty (do Phòng Tài chính Kế toán tham mưu/phối hợp tham mưu việc thực hiện)		
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm Thông tin các giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty (do Phòng Tài chính Kế toán tham mưu/phối hợp tham mưu việc thực hiện)	Chậm nhất 25 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch
IV	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		
1	Tài liệu họp ĐHĐCĐ Cụ thể: Các Tài liệu giao Phòng Tài chính Kế toán chuẩn bị	Chậm nhất 23 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (Nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (Nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)
V	LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN		
1	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết Cụ thể: Cung cấp thông tin về nội dung lấy ý kiến, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết trong trường hợp nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản do phòng TCKT tham mưu/phối hợp tham mưu thực hiện.	Chậm nhất 12 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến (Nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến (Nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)
B	CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG		
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ

	thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.		
2	Quyết định mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
3	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
4	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
6	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật).	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
7	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng).	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
8	Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
9	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có).	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
10	Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
11	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:		

	Trường hợp phát hành thêm/chuyển đổi: Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
	Trường hợp mua lại/bán cổ phiếu quỹ: Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
	Trường hợp mua lại cổ phiếu khác: Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. <i>Cung cấp thông tin đối với các trường hợp Phòng TCKT tham mưu/phối hợp tham mưu việc thực hiện.</i>	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
13	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ

14	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
15	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
16	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
17	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết. <i>Cung cấp thông tin đối với các trường hợp Phòng TCKT tham mưu/phối hợp tham mưu việc thực hiện.</i>	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
18	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
19	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 08 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 88 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 88 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

C	CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU		
	Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi:		
1	Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 12 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu
2	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 12 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu
D	CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU		
1	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSDC, báo cáo cho SGDCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan. Cụ thể: thực hiện quyền nhận cổ tức; quyền mua Cổ phiếu phát hành thêm và các quyền khác)	Chậm nhất 12 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
2	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy.	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.

E	CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC		
1	CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn		Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.
2	CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài		Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam
3	CBTT về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.		Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ
4	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình		CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán

PHỤ LỤC 1.2 PHÒNG KẾ HOẠCH KINH DOANH

TT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT
A	CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ		
I	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN		
1	Báo cáo thường niên <i>Các thông tin Đơn vị cung cấp: báo cáo, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (phân tích, so sánh); tình hình thực hiện các dự án đầu tư trong năm báo cáo; hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (do Phòng KHKD tham mưu hoặc phối hợp tham mưu việc ký kết); các kế hoạch về sản xuất kinh doanh và các thông tin khác có liên quan.</i>	Chậm nhất 18 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 108 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính
II	BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY		
1	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên <i>Thông tin các giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty (do Phòng KHKD tham mưu/phối hợp tham mưu việc thực hiện)</i>	Chậm nhất 25 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm <i>Thông tin các giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty (do Phòng KHKD tham mưu/phối hợp tham mưu việc thực hiện)</i>	Chậm nhất 25 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch

III	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		
1	Tài liệu họp ĐHĐCĐ <i>Cụ thể: Các Tài liệu giao Phòng KHKD chuẩn bị</i>	<i>Chậm nhất 23 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (Nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)</i>	<i>Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (Nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)</i>
IV	LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN		
1	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết <i>Cụ thể: Cung cấp thông tin về nội dung lấy ý kiến, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết trong trường hợp nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản do phòng KHKD tham mưu/phối hợp tham mưu thực hiện.</i>	<i>Chậm nhất 12 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến (Nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)</i>	<i>Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến (Nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)</i>
B	CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG		
1	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
2	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng; <i>Cung cấp thông tin đối với các trường hợp Phòng KHKD tham mưu/phối hợp tham mưu việc thực hiện.</i>	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
3	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ

	chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. <i>Cung cấp thông tin đối với các trường hợp Phòng KHKD tham mưu/phối hợp tham mưu việc thực hiện.</i>		
4	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết. <i>Cung cấp thông tin đối với các trường hợp Phòng KHKD tham mưu/phối hợp tham mưu việc thực hiện.</i>	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
C	CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU		
	Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi:		
1	Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 12 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu
2	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 12 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu

PHỤ LỤC 1.3. PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ LAO ĐỘNG

TT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT
A	CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ		
I	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN		
1	Báo cáo thường niên <i>Các thông tin Đơn vị cung cấp: Thông tin về tổ chức và nhân sự; thông tin về các chính sách liên quan đến người lao động (số lượng lao động, mức lương, chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động; hoạt động đào tạo người lao động); cơ cấu cổ đông; các hoạt động cộng đồng; hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (do Phòng TCCBLĐ tham mưu hoặc phối hợp tham mưu việc ký kết; và các thông tin khác có liên quan.</i>	Chậm nhất 18 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 108 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính
II	BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY		
1	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên <i>Thông tin các giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty (do Phòng TCCBLĐ tham mưu/phối hợp tham mưu việc thực hiện)</i>	Chậm nhất 25 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Chậm nhất 25 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch

	Thông tin các giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty (do Phòng TCCBLĐ tham mưu/phối hợp tham mưu việc thực hiện)		
III	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		
1	Tài liệu họp ĐHĐCĐ Cụ thể: Các Tài liệu giao Phòng TCCBLĐ chuẩn bị	Chậm nhất 23 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (Nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (Nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)
IV	LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN		
1	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết Cụ thể: Cung cấp thông tin về nội dung lấy ý kiến, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết trong trường hợp nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản do phòng TCCBLĐ tham mưu/phối hợp tham mưu thực hiện.	Chậm nhất 12 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến (Nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến (Nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)
B	CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG		
1	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi có công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
2	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
3	Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ

4	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sát nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp, phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
5	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
6	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
7	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
8	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
C	CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU		
	Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi:		
1	Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 12 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu
2	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 12 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu
D	CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU		
1	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSDC, báo cáo cho SGDCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan. Cụ thể: thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường	Chậm nhất 12 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

PHỤ LỤC 1.4. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

TT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT
A	CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ		
I	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN		
1	Báo cáo thường niên	Chậm nhất 18 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 108 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính
II	BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY		
1	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Chậm nhất 25 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Chậm nhất 25 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch
III	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		
1	Tài liệu họp ĐHĐCĐ	Chậm nhất 23 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (Nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (Nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)

2	Biên bản họp, Biên bản Kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và bộ Tài liệu thông qua tại Đại hội <i>Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ
IV	LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN		
1	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết Cụ thể: Cung cấp thông tin về nội dung lấy ý kiến, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết trong trường hợp nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản do phòng TCKT tham mưu/phối hợp tham mưu thực hiện.	Chậm nhất 12 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến <i>(Nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)</i>	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến <i>(Nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)</i>
B	CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG		
1	Quyết định mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ. <i>Phối hợp, rà soát việc cung cấp thông tin của phòng chuyên môn.</i>	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
2	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu. <i>Phối hợp, rà soát việc cung cấp thông tin của phòng chuyên môn.</i>	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ

3	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. <i>Phối hợp, rà soát việc cung cấp thông tin của phòng chuyên môn.</i>	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
4	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu. <i>Phối hợp, rà soát việc cung cấp thông tin của phòng chuyên môn.</i>	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
5	<i>Phối hợp, rà soát việc cung cấp thông tin của phòng chuyên môn khi thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:</i>		
	Trường hợp phát hành thêm/chuyển đổi: Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
	Trường hợp mua lại/bán cổ phiếu quỹ: Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
	Trường hợp mua lại cổ phiếu khác: Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ

	công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.		
6	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ công ty.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
7	Công ty nhận được đơn xin từ chức của Người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty).	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
8	Cung cấp thông tin của Người nội bộ mới theo quy định	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
9	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. <i>Phối hợp, rà soát việc cung cấp thông tin của phòng chuyên môn.</i>	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
10	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Người nội bộ của công ty.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
11	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty;	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ

12	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
13	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
14	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ. <i>Phối hợp, rà soát việc cung cấp thông tin của phòng chuyên môn.</i>	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
15	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét. <i>Phối hợp, rà soát việc cung cấp thông tin của phòng chuyên môn.</i>	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
16	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn). <i>Phối hợp, rà soát việc cung cấp thông tin của phòng chuyên môn.</i>	Trong thời hạn 12 giờ	Trong thời hạn 24 giờ
C	CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU		
	Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi:		

1	Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 12 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu
2	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 12 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu
D	CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC		
1	CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn <i>Phối hợp, rà soát việc cung cấp thông tin của phòng chuyên môn.</i>		Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.
2	CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài <i>Phối hợp, rà soát việc cung cấp thông tin của phòng chuyên môn.</i>		Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam
3	CBTT về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ. <i>Phối hợp, rà soát việc cung cấp thông tin của phòng chuyên môn.</i>		Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ
4	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình <i>Phối hợp, rà soát việc cung cấp thông tin của phòng chuyên môn.</i>		CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày từ kể từ ngày hoàn tất thanh toán

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

– Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho công ty, UBCKNN theo mẫu **Phụ lục VII** – Thông tư số 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

– Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho công ty, UBCKNN theo mẫu **Phụ lục VIII** – Thông tư số 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

Ví dụ: nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo Công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

– Công ty công bố trên website của Công ty trong vòng 02 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

2. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua

cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

– Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu) theo mẫu **Phụ lục XIII – Thông tư số 96/2020/TT-BTC**.

– Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ UBCKNN (*Trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai*).

Ghi chú: NNB của Công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

– Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN và công ty về kết quả giao dịch theo mẫu **Phụ lục XV – Thông tư số 96/2020/TT-BTC**, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

3. Ghi chú

– NNB của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

– Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.

– Trường hợp Công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, Công ty phải báo cáo UBCKNN và công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

– Trường hợp Công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý

khác theo quy định tại Điều lệ Công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ.

– Công ty công bố trên website của Công ty trong vòng 02 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của Công ty và NCLQ của NNB.

CÁC MẪU BIỂU

STT	Ký hiệu mẫu biểu	Nội dung
1	Phụ lục IV – Thông tư 96	Báo cáo thường niên (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
2	Phụ lục III – Thông tư 96	Bản cung cấp thông tin người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
3	Phụ lục V – Thông tư 96	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
4	Mẫu 04 - BC	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)
5	Mẫu 05 - THQ	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Quyết định số 09/QĐ-VSD năm ngày 10/8/2023 của HĐQT VSDC)
6	Phụ lục VII – Thông tư 96	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
7	Phụ lục VIII – Thông tư 96	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
8	Phụ lục XIII – Thông tư 96	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
9	Phụ lục XV – Thông tư 96	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)